

Bản án số: 474/2020/DS-PT

Ngày: 21/12/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Mạnh Cẩm Yên**

*Các Thẩm phán:* Ông **Đỗ Minh Hoàng**

Ông **Trương Chí Anh**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thanh Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:** Ông **Lê Đức Phương** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 417/2020/DSPT ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 472/2020/QĐXX-PT ngày 19 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 609/2020/QĐHPT-PT ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đại T, sinh năm 1955 (tức Tư Lùn);

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn T, huyện B, thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Anh Phùng H Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội.

**Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn T Đ, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn T, huyện B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đông là ông Nguyễn Đại T (chồng bà Đông).

Người kháng cáo: Anh Phùng H Đ – Là bị đơn.

Tại phiên tòa có mặt: Anh Phùng H Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đại T trình bày:***

Ông Thắng và anh Phùng H Đ có mối quan hệ quen biết với nhau, do ông Thắng là chủ cửa hàng ăn uống Tư Lùn và anh Điệp là cán bộ huyện tại thời điểm năm 2013 là phó Phòng Giải phóng mặt bằng huyện Ba Vì. Năm 2013 anh Điệp có đặt vấn đề vay tiền của ông Thắng cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 12/08/2013 anh Phùng H Đ đề nghị ông Thắng cho vay số tiền: 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng chẵn*) hai bên có ghi giấy biên nhận vay tiền, lãi suất tự thỏa thuận, hai bên không thỏa thuận thời gian trả nợ, anh Điệp có nộp lại cho ông Thắng 01 bản sao công chứng Quyết định số: 302 ngày 26/04/2011 về việc bổ nhiệm anh Điệp giữ chức vụ phó ban bồi thường giải phóng mặt bằng. Anh Điệp đã nhận đủ tiền và ký nhận vào giấy nhận nợ.

Lần thứ hai: Ngày 21/08/2013 anh Điệp lại vay số tiền: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng chẵn*) hai bên có viết giấy vay tiền như lần thứ nhất. Tổng số tiền ông Thắng cho anh Điệp là: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*), lãi suất tự thỏa thuận nhưng giữa hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 1,5%/tháng (3.000.000đ/tháng). Việc ông cho anh Điệp vay chỉ có ông và vợ ông là bà Nguyễn T Đ biết vợ anh Điệp không biết. Từ năm 2013 cho đến nay anh Điệp trả lãi hàng tháng cho ông Thắng nhiều lần, tổng số tiền lãi anh Điệp trả cho ông Thắng là 200.000.000 đồng. Ông Thắng sau khi được kiểm tra 24 bản ghi được đánh số từ 01 đến 24, trong đó có bản ghi số 01 có 02 mặt là bản gốc thì ông Thắng xác nhận chữ ký và chữ viết của ông và bà Đông là đúng. Đồng thời ông xác nhận đã nhận của anh Điệp số tiền: 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) ông cho đây là tiền lãi anh Điệp trả. Ông Thắng chưa nhận được tiền gốc từ phía anh Điệp. Nay ông Thắng đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Phùng H Đ phải trả cho ông số tiền gốc: 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) và số lãi còn lại là: 52.000.000đ (*Năm mươi hai triệu đồng*). Tổng số nợ gốc và lãi là: 252.000.000đ (*Hai trăm năm mươi hai triệu đồng chẵn*).

Ông Thắng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là 02 bản chính giấy vay tiền có chữ ký và chữ viết của anh Điệp và bản sao 01 Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm Phó trưởng ban bồi thường GPMB huyện Ba Vì số: 3021/QĐ-UBND ngày 26/4/2011.

***Bị đơn anh Phùng H Đ trình bày:***

Anh và ông Nguyễn Đại T, bà Nguyễn T Đ có mối quan hệ quen biết.

Do có nhu cầu vay vốn để phát triển kinh tế gia đình nên anh đã hỏi vay ông Nguyễn Đại T hai lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 12/08/2013 anh Điệp và ông Thắng có viết giấy vay tiền số tiền: 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), lần thứ hai: Ngày 21/8/2013 anh Điệp đến vay tiếp ông Thắng số tiền: 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Khi vay hai bên có

viết với nhau giấy biên nhận vay tiền, cả hai giấy biên nhận là do anh Điệp viết và ký nhận, trên giấy vay tiền đều ghi lãi suất thỏa thuận và không thỏa thuận thời gian trả nợ. Để đảm bảo cho khoản vay trên thì anh đã gửi cho ông Thắng 01 Quyết định bổ nhiệm cán bộ số: 302 ngày 26/4/2011 bổ nhiệm tôi làm phó ban giải phóng mặt bằng huyện Ba Vì. Theo anh Điệp cả hai lần ông Thắng đưa tiền cho anh đều cắt lại số tiền là 10.000.000 đồng tiền lãi của tháng anh Điệp vay, anh chỉ nhận được số tiền: 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) mỗi lần, tổng hai lần anh Điệp chỉ được nhận số tiền vay là 180.000.000 đồng.

Sau khi vay số tiền 200.000.000đ trên thì hàng tháng anh Điệp trả nợ đầy đủ cho ông Thắng. Từ ngày vay tiền đầu tiên ngày 12/08/2013 đến tháng 5 năm 2014 anh Điệp đã trả cho ông Thắng 200.000.000đ. Như vậy số tiền anh Điệp trả lãi cho ông Thắng đã bằng số tiền gốc anh vay. Do anh Điệp làm ăn gặp khó khăn nên anh Điệp không thể trả tiền lãi cho ông Thắng nữa anh Điệp đã đến trao đổi và xin ông Thắng không trả lãi nữa và ông Thắng đã đồng ý với đề nghị của anh. Đồng thời anh Điệp xin ông Thắng trả dần số gốc: 200.000.000đ hàng tháng và ông Thắng đã đồng ý cho anh Điệp trả dần số tiền gốc và không phải trả lãi. Anh Điệp đã trả dần và đến ngày 12/03/2020 anh Điệp đã trả hết số tiền gốc: 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) cho ông Thắng và lãi theo thỏa thuận, việc anh Điệp trả nợ cho ông Thắng thì hai bên đều viết giấy tay và ông Thắng ký nhận tiền, có lần thì bà Đông đã ký nhận trực tiếp vào giấy trả tiền. Anh Điệp trả làm nhiều lần, lần nhiều nhất là 20 triệu, ít nhất là trả 2 triệu hàng tháng, mỗi lần trả như vậy anh Điệp đều chốt nợ với ông Thắng và bà Đông và đã được ông Thắng và bà Đông xác nhận. Anh Điệp đã cung cấp cho Tòa án 25 bản ghi nội dung trả nợ bằng tờ giấy A5 là chứng cứ xác nhận việc anh trả nợ cho ông Thắng. Lần cuối cùng anh Điệp trả nợ cho ông Thắng vào ngày 12/3/2020 với số tiền là 14.000.000đ và được ông Thắng xác nhận và ký đã trả hết số tiền nợ gốc 200.000.000đ và lãi theo thỏa thuận.

Do vậy anh Điệp xác nhận đã trả hết số nợ gốc là: 200.000.000đ và lãi theo thỏa thuận giữa anh và ông Thắng từ ngày 12/3/2020 việc ông Thắng khởi kiện anh Điệp ra Tòa là không có căn cứ, anh khẳng định chữ ký và chữ viết trên giấy trả nợ là của ông Thắng và bà Đông.

Anh Điệp phản tố đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Đại T phải trả cho anh bản sao Quyết định số: 302 ngày 26/04/2011 về việc điều động và bổ nhiệm chức danh Phó trưởng ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Ba Vì để đảm bảo quyền lợi cho anh vì anh đã hết nợ gốc và lãi cho ông Thắng từ ngày 12/3/2020.

Tại bản án số 41/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện đòi số tiền gốc 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) của ông Nguyễn Đại T (Tur lùn) đối với anh Phùng H Đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu về lãi suất của ông Nguyễn Đại T đối với anh Phùng H Đ.

Buộc anh Phùng H Đ phải trả cho ông Nguyễn Đại T số tiền lãi : **41.139.370 đồng** ( *Bốn mươi một triệu một trăm ba mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi đồng*).

3. Buộc ông Nguyễn Đại T (Tu Lùn) phải trả cho anh Phùng H Đ 01 bản sao quyết định bổ nhiệm cán bộ số 302 ngày 26/4/2011 mang tên Phùng H Đ làm phó ban giải phóng mặt bằng huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm anh Phùng H Đ – Là bị đơn kháng cáo về phần lãi suất của bản án sơ thẩm.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai cũng như tài liệu chứng cứ nào khác, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đại T vì anh xác định đã trả hết toàn bộ nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận cho ông Thắng. Sau khi trả nợ hai bên đã xác nhận vào bản kê đã trả hết toàn bộ gốc và lãi suất theo thỏa thuận, mặt khác tại đơn khởi kiện ông Thắng chỉ yêu cầu anh thanh toán số tiền lãi từ ngày 12/3/2020 đến nay, nhưng Tòa án sơ thẩm buộc anh thanh toán lãi trả chậm là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn..

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ;

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bị đơn nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

Nguyên đơn ông Nguyễn Đại T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn T Đ được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt

tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

***[2]. Về nội dung:***

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự xuất trình và lời khai của các đương sự xác định ngày 12/8/2013 và 21/8/2013 anh Điệp có vay ông Thắng hai lần tiền tổng số tiền vay là: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Khi vay hai bên có viết với nhau giấy biên nhận vay tiền, lãi suất do các bên tự thỏa thuận và không có thời hạn trả nợ.

Về quá trình trả nợ:

Ông Thắng cho rằng số tiền anh Điệp trả ông Thắng là tiền lãi, đến nay anh Điệp vẫn nợ ông số tiền gốc là 200.000.000 đồng và 52.000.000 đồng tiền lãi còn lại. Ông Thắng cung cấp cho Tòa án bảng kê do ông Thắng tự ghi ngày tháng trả và số tiền anh Điệp trả ông theo từng ngày tháng, tuy nhiên không ghi rõ đó là tiền lãi hay gốc.

Anh Điệp cho rằng anh đã trả đủ ông Thắng toàn bộ tiền gốc và lãi của số tiền 200.000.000 đồng và cung cấp cho Tòa án 24 bản kê ghi rõ ngày tháng năm trả nợ và số tiền trả nợ, chốt nợ gốc có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Đại T và bà Nguyễn T Đ. Cụ thể các bảng kê như sau:

Ngày 5/6/2014 nội dung ghi em Phùng H Đ trả cho anh Tư Lùn 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), chốt nợ còn 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Ông Thắng là người nhận tiền và có xác nhận đã nhận 20 triệu và ký tên ở dưới.

Ngày 13/7/2014 nội dung ghi số tiền trả: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), dư nợ còn lại: 160.000.000đ (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*). Ông Thắng là người nhận tiền và có ký nhận bên dưới.

Ngày 12/8/2014 nội dung ghi Phùng H Đ trả cho anh Tư lùn số tiền: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Dư nợ gốc còn: 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) và người nhận là ông Thắng có ký tên và ghi rõ họ tên.

Ngày 28/10/2014 nội dung ghi Phùng H Đ trả cho anh Tư (Nguyễn Đại T số tiền: 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*)). Dư nợ gốc còn: 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*). Người nhận là ông Thắng, ông có ký nhận và ghi rõ họ tên.

Ngày 24/12/2014 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả nợ anh Thắng (Tư Lùn) số tiền: 10.000.000đ. Dư nợ tiền gốc còn 120.000.000đ. Ông Thắng là người nhận tiền có ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 14/2/2015 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả nợ anh Thắng (Tư lùn) số tiền: 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Dư nợ gốc còn 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*). Người nhận tiền ông Nguyễn Đại T có ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 22/5/2015 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả nợ cho anh Thắng (Tur lùn) số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Dư nợ gốc còn 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Người nhận tiền là ông Nguyễn Đại T ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 20/10/2015 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả nợ cho anh Thắng (Tur lùn) Tây Đàng số tiền: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Dư nợ tiền gốc còn 95.000.000đ (*Chín mươi lăm triệu*). Người nhận tiền ông Nguyễn Đại T ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 7/2/2016 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả anh Thắng (Tur lùn) số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Dư nợ tiền gốc 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*). Người nhận ông Nguyễn Đại T ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 31/5/2016 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả cho anh Thắng (Tur lùn) Tây Đàng số tiền: 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Dư nợ tiền gốc còn 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*). Người nhận ông Nguyễn Đại T ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 11/8/2016 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả anh Thắng (Tur lùn) số tiền: 10.000.000đ. Dư nợ tiền gốc còn 70.000.000đ. Người nhận ông Nguyễn Đại T ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 6/10/2016 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả nợ cho anh Thắng (Tur lùn) số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Dư nợ tiền gốc còn 65.000.000đ (*Sáu mươi lăm triệu đồng*). Người nhận là ông Thắng có ký tên phía dưới.

Ngày 5/01/2017 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả cho anh Thắng (Tur lùn) số tiền 5.000.000đ. Dư nợ tiền gốc còn 60.000.000đ. Người nhận là ông Nguyễn Đại T có ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 26/01/2017 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả anh Thắng (Tur lùn) số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Dư nợ tiền gốc còn: 55.000.000đ (*Năm mươi lăm triệu đồng*). Người nhận ông Nguyễn Đại T đã ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 03/05/2017 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả cho anh Thắng (Tur lùn) Tây Đàng số tiền: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Dư nợ tiền gốc còn: 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Người nhận ông Nguyễn Đại T đã ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 28/6/2017 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả cho anh Thắng (Tur lùn) Tây Đàng số tiền: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Dư nợ tiền gốc còn: 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*). Người nhận ông Nguyễn Đại T đã ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 01/09/2017 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả cho anh Thắng (Tur lùn) Tây Đàng số tiền: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Dư nợ tiền gốc còn: 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Người nhận ông Nguyễn Đại T đã ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 01/12/2017 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả cho anh Tur Lùn (Thắng) số tiền: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Dư nợ tiền gốc còn: 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*). Người nhận ông Nguyễn Đại T đã ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 11/02/2018 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả cho anh Thắng (Tur lùn) số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Dư nợ tiền gốc còn: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Người nhận ông Nguyễn Đại T đã ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 27/06/2018 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả cho anh Thắng (Tur lùn) số tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Dư nợ tiền gốc còn: 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Người nhận bà Nguyễn T Đ nhận và ghi: “Chị Đông nhận 5.000.000đ (Năm triệu đồng)” và bà Đông ký tên.

Ngày 21/01/2019 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả cho anh Thắng (Tur lùn) Tây Đẳng số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Dư nợ tiền gốc còn: 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng). Người nhận bà Nguyễn T Đ ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 16/09/2019 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả anh Nguyễn Đại T (Tur lùn) số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Dư nợ tiền gốc còn: 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng). Người nhận ông Nguyễn Đại T đã ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 29/11/2019 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả cho anh Thắng (Tur lùn) Tây Đẳng số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Dư nợ tiền gốc còn: 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Người nhận ông Nguyễn Đại T đã ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 18/01/2020 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả cho anh Thắng (Tur lùn) số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Dư nợ tiền gốc còn: 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Người nhận ông Nguyễn Đại T đã ký và ghi rõ họ tên.

Ngày 12/03/2020 nội dung ghi Phùng H Đ đã trả cho anh Thắng (Tur lùn) Tây Đẳng, Ba Vi số tiền: 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Đã trả hết nợ gốc: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo thỏa thuận. Người nhận ông Nguyễn Đại T đã ký và ghi rõ họ tên.

Ông Thắng và anh Điệp đều thừa nhận chữ viết chữ ký xác nhận trong các bản kê là của ông và bà Đông vợ ông.

Xét thấy, toàn bộ bản kê anh Điệp cung cấp có thời gian và số tiền trả nợ trùng với số tiền và ngày tháng năm ghi trong bảng ghi chép của ông Thắng, tại các bản kê anh Điệp cung cấp đều ghi rõ ngày tháng năm trả nợ, số tiền trả nợ và chốt số nợ sau khi đã trả. Và tại bản kê ngày 12/3/2020 có ghi nội dung “Đã trả hết nợ gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo thỏa thuận”, người nhận là ông Nguyễn Đại T đã ký xác nhận nên Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định anh Phùng H Đ đã trả hết số nợ gốc là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và số tiền lãi theo thỏa thuận cho ông Nguyễn Đại T (Tức lùn) là có căn cứ.

Đối với phần lãi chậm trả, căn cứ theo quy định tại Khoản 2, điều 477 Bộ luật dân sự 2005, Khoản 2, Điều 4, Điều 6 của Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Tòa án nhân dân Tối cao: Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc

bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết “thời gian hợp lý” đến thời điểm xét xử sơ thẩm. “Thời gian hợp lý” quy định tại Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa anh Phùng H Đ và ông Nguyễn Đại T không có quy định về thời hạn trả nợ, lãi suất được xác định theo thỏa thuận, quá trình trả nợ, ông Thắng là người cho vay không có thông báo cho người vay là anh Điệp về thời hạn cuối cùng phải trả hết toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi cho ông, việc anh Điệp trả dần số nợ ông Thắng cũng không có ý kiến gì, ông vẫn ký nhận tiền, chót nợ và xác nhận việc trả hết số gốc và lãi cho anh Điệp vào ngày 12/3/2020. Mặt khác tại đơn khởi kiện ngày 07/6/2020 ông Thắng yêu cầu anh Điệp trả ông số tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi suất của số tiền trên từ ngày 12/3/2020 đến nay, không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với phần lãi suất chậm trả đối với khoản tiền vay của anh Điệp nên việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thắng và buộc anh Điệp phải trả lãi suất chậm trả cho ông Thắng từ ngày 12/8/2013 đến ngày 12/3/2020 là không có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Phùng H Đ và sửa lại bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đại T.

Đối với yêu cầu của anh Phùng H Đ buộc ông Nguyễn Đại T phải trả cho anh Điệp 01 bản sao Quyết định bổ nhiệm cán bộ số: 302 ngày 26/4/2011 bổ nhiệm tôi làm phó ban giải phóng mặt bằng huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Xét thấy, ông Thắng đã giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Ba Vì và hiện có trong hồ sơ tại BL18 và BL45 và đây chỉ là bản sao công chứng Quyết định không phải là bản chính vì vậy anh Điệp có quyền và nghĩa vụ nhận lại tại cơ quan lưu trữ hồ sơ vụ án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 12.600.000 đồng (*Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng*), tuy nhiên ông Nguyễn Đại T là đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nên cần sửa lại bản án dân sự sơ thẩm về án phí.

Anh Phùng H Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;



- Căn cứ vào Căn cứ Điều 471; Điều 474; Điều 477; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Tòa án nhân dân Tối cao. Căn cứ điểm 12 mục IV – Dân sự - Công văn số 89/TANDTC – PC, ngày 30/6/2020 Của Tòa án nhân dân Tối cao

\* Xử: chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phùng H Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm 41/2020/DS-ST ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và 52.000.000 đồng lãi suất của ông Nguyễn Đại T (Tư Lùn) đối với anh Phùng H Đ.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Đại T được miễn án phí dân sự sơ thẩm, ông Thắng được hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng ông Thắng đã nộp theo biên lai thu tiền số: 00091 ngày 16/06/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Anh Phùng H Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phùng H Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả anh Điệp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00257 ngày 10/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Ba Vì.
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Mạnh Cẩm Yên**